

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 414/2022/HS-ST
Ngày 19-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Vinh Toàn.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 364/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 423/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022 đối với:

Bị cáo:

1. **Trần Văn B**, (tên gọi khác: không), sinh năm 1980 tại tỉnh B. Nơi đăng ký thường trú và cư trú: Khu phố Long Khánh 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con Trần Văn M (đã chết) và bà Phạm Thị D, sinh năm: 1978; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 28/6/2021, Trần Văn B bị Công an phường Phước Tân thành phố Biên Hòa ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” với số tiền 1.500.000đồng, bị cáo chưa nộp phạt.

Nhân thân: tại bản án số 112/2017/HSST ngày 22/3/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/6/2019 (đã nộp án phí, chưa thi hành trách nhiệm dân sự do bị hại không làm đơn yêu cầu thi hành án).

Bị cáo bị bắt để tạm giam ngày 22/7/2022 theo Lệnh số 04/LB ngày 25/5/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Tấn M** (tên gọi khác: Tuấn Em), sinh năm 1982 tại tỉnh Đ. Nơi đăng ký thường trú và cư trú: Tổ 9, Khu phố 4, phường A, thành phố B, tỉnh Đ; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn L sinh năm 1961 và bà Trịnh Kim C, sinh năm 1963; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: không; Tiền sự: không.

Nhân thân: tại Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 06/01/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa quyết định đưa bị cáo vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng.

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 6017/LCCT-VKSBH ngày 27/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Trần M D, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 11, khu phố L1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Thạch Thanh Nh, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ 16, khu phố L1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1977; địa chỉ: : Tổ 6, khu phố L1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Trần Văn B đã thực hiện ba vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 9 giờ 00 phút ngày 04/8/2021, Trần Văn B đi bộ ngang qua đoạn đường thuộc tổ 4, khu phố Long Khánh 2, phường Tam Phước, thành Biên Hòa thì phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 60FH-5295 của anh Trần M D, đang dựng bên đường, trên xe có cắm sẵn chìa khóa và xung quanh không có người trông coi, nên B đi đến chiếc xe mô tô trên rồi ngồi lên xe nổ máy điều khiển xe đi về phường T, thành phố Biên Hòa. Sau đó, B bán chiếc xe mô tô trộm cắp được cho người tên Đài (chưa rõ nhân thân lai lịch) với giá 600.000đồng (sáu trăm nghìn đồng). Số tiền này B dùng để tiêu xài cá nhân hết. Khi B trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 60FH-5295, anh D đứng từ xa nhìn thấy có người điều khiển xe đi, nhưng không đuổi theo kịp, nên đã đến Công an phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa trình báo sự việc. Đến 18 giờ cùng

ngày, thì anh D phát hiện B giống với người đã trộm cắp xe của mình đang trên đường, nên đã giữ B lại và giao cho Công an phường Tam Phước.

Vụ thứ hai: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 18/11/2021, Trần Văn B đi bộ qua nhà của anh Nguyễn Đức C tại đường Dương Diên Ngh, tổ 16, khu phố L1, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, biển số 84G1-633.76 của anh Thạch Thanh Nh (chiếc xe này anh Nhiên mượn của anh Lý Văn Kh và được anh Kh đồng ý giao xe), sinh năm 2000, trú tại: khu phố Long Khánh 1 phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đang dựng ở phía trước, chìa khóa cắm sẵn trên ổ khóa xe, xung quanh không có người trông coi nên B đi đến ngồi lên xe, nổ máy điều khiển xe đi tìm kiếm người để bán nhưng không được. Đến khoảng 09 giờ ngày 19/11/2021, B điều khiển xe đi đến gần khu vực chợ Tân Mai thuộc phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa thì gặp người quen là Nguyễn Tấn M. Tại đây, B nói mới trộm cắp được chiếc xe mô tô biển số 84G1-633.76, xe không giấy tờ bán với giá 10.000.000đ (mười triệu đồng) thì M đồng ý mua. Do không đủ tiền, nên M đã đưa trước cho B 6.000.000đ (sáu triệu đồng) và hẹn B một tháng sau đưa hết số tiền còn lại. Sau đó, M điều khiển xe mô tô biển số 84G1-633.76 về nhà cất giữ. Số tiền bán xe, B đã đem đi tiêu xài hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 27/3/2022, Trần Văn B đi bộ từ nhà của B (địa chỉ: Khu phố Long Khánh 2, phường Tam Phước, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) đến nhà “Tù đường”, do anh Nguyễn M C (sinh năm 1983) quản lý và sử dụng, tại địa chỉ: tổ 5, khu phố L1, phường T, thành phố Biên Hòa để chơi. Tại đây, B gặp anh Nguyễn Văn U (sinh năm 1977 ngụ tại tổ 6, khu phố Long Khánh 1, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa) điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio, biển số 59G1-005.84 đến nhà anh C rồi dựng xe ở sân trước nhà, chìa khóa cắm trên ổ khóa xe và đi vào phía trong nhà. Thấy anh C nằm ở vũng ngoài sân nhưng không chú ý, nên B đã trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio, biển số 59G1-005.84, rồi nổ máy điều khiển xe rời đi. Khi đi đến khu vực phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, B gặp một người tên Tí (không rõ nhân thân, lai lịch) và cầm chiếc xe mô tô trên cho Tí với số tiền 1.000.000đồng (một triệu đồng), số tiền này B đã tiêu xài hết.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Biên Hòa, Trần Văn B và Nguyễn Tấn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Vật chứng vụ án gồm:

- 01 (một) USB bên trong có chứa đoạn video ghi lại toàn bộ nội dung vụ trộm cắp chiếc xe mô tô biển số: 60FH-5295 vào ngày 04/8/2021 tại đoạn đường thuộc khu phố Long Khánh 2, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa.

- 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 60FH-5295 đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu là anh Trần M D.

- 01 (một) USB bên trong có chứa đoạn video ghi lại hình ảnh lúc 08 giờ 30 phút ngày 18/11/2021, Trần Văn B điều khiển xe mô tô Honda Sonic chạy qua đoạn đường Dương Diên Ngh, thuộc tổ 10, khu phố L1, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 84G1-633.76 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi trả lại cho anh Thạch Thanh Nh.

Kết luận định giá tài sản:

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 318/TCKH-HĐĐG ngày 28/9/2021, của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: “Chiếc xe mô tô biển số 60FH-5295 có giá là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)”.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 473/TCKH-HĐĐG ngày 24/11/2021, của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: “01 (một) chiếc xe mô tô biển số 84G1-633.76 có giá là: 51.930.000 đồng (năm mươi một triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng)”.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 284/KL-HĐĐG ngày 19/7/2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: “Chiếc xe mô tô biển số 59G1-005.84, có giá là 2.100.000đ (hai triệu, một trăm nghìn đồng)”. (Hiện nay xe chưa thu hồi được)

2. Trách nhiệm dân sự:

- Anh Trần M D và anh Thạch Thanh Nh đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo B phải bồi thường.

- Anh Nguyễn Văn U yêu cầu bị cáo B bồi thường số tiền 2.100.000đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng).

3. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 385/CT-VKSBH ngày 15/8/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Trần Văn B, về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, Khoản 2, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Nguyễn Tấn M về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1, Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm b, Khoản 2, Điều 173, điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Văn B từ: 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù đến 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù.

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 323 và điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn M từ: 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) tháng tù.

Kiểm sát viên đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật và buộc bị cáo B bồi thường số tiền 2.100.000đồng cho bị hại Nguyễn Văn U.

5. Lời nói sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tổ tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Các bị hại Trần M D, Thạch Thanh Nh vắng mặt nhưng lời khai đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt của đương sự không ảnh hưởng đến việc xét xử; nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- *Những chứng cứ xác định có tội:* Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, kết luận định giá tài sản, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai các bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trần Văn B đã có 03 lần thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” như sau:

Vụ thứ nhất: khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 04/8/2021, Trần Văn B đã có hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 60FH-5295 trị giá là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) của anh Trần M D.

Vụ thứ hai: khoảng 8 giờ 30 phút ngày 18/11/2021, , Trần Văn B đã có hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 84G1-633.76, trị giá 51.930.000 đồng (năm mươi một triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng) của anh Thạch Thanh Nh. Sau đó, B đã đem bán xe cho Nguyễn Tấn M với giá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), M đã đưa trước cho B 6.000.000đồng (sáu triệu đồng) và hẹn B một tháng sau đưa 4.000.000đồng (bốn triệu đồng) còn lại, số tiền bán xe B đã tiêu xài hết. Khi mua xe, M biết rõ đây là tài sản B phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua.

Vụ thứ ba: Khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 27/3/2022, Trần Văn B đã có hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 59G1-005.84 trị giá 2.100.000đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) của anh Nguyễn Văn U.

Như vậy, bản Cáo trạng số 385/CT-VKSBH ngày 15/8/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Trần Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Tấn M về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- *Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội và lỗi:*

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại được Nhà nước B vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong đời sống của người dân tại các khu dân cư. Bị cáo B biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo M biết rõ tài sản do bị cáo B thực hiện hành vi phạm tội mà có nhưng M không can ngăn, trình báo với chính quyền địa phương mà còn tiếp tay tiêu thụ cho hành vi của bị cáo B

- **Về nhân thân:** Bị cáo Trần Văn B có 01 tiền sự bị xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Tấn M bị đưa đi cai nghiện bắt buộc 24 tháng.

- **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Bị cáo B có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo M phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại điểm i, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, nhân thân của từng bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo B, M nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội; đảm B sự nghiêm M và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về vật chứng:

- Đối với 01 (một) USB bên trong có chứa đoạn video ghi lại toàn bộ nội dung vụ trộm cắp chiếc xe mô tô biển số: 60FH-5295 vào ngày 04/8/2021 tại đoạn đường thuộc khu phố Long Khánh 2, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa. Là chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo B nên lưu kèm hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 60FH-5295 đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu là anh Trần M D nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 (một) USB bên trong có chứa đoạn video ghi lại hình ảnh lúc 08 giờ 30 phút ngày 18/11/2021, Trần Văn B điều khiển xe mô tô Honda Sonic chạy qua đoạn đường Dương Diên Nghệ, thuộc tổ 10, khu phố Long Khánh 1, phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa. Đây là chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo B nên lưu kèm hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 84G1-633.76 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi trả lại cho anh Thạch Thanh Nh là phù hợp.

[4] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 587; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015;

Anh Trần M D và anh Thạch Thanh Nh đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo B phải bồi thường nên không xem xét.

Người bị hại là anh Nguyễn Văn U chưa nhận lại được tài sản bị mất cắp, anh Út có yêu cầu bị cáo B bồi thường số tiền 2.100.000đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) theo kết luận định giá tài sản. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến về giá trị định giá và đồng ý bồi thường cho bị hại. Do yêu cầu của bị hại phù hợp, cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Út theo quy định pháp luật

[5] Các vấn đề khác có liên quan đến vụ án:

- Đối với đối tượng tên Đài (chưa rõ nhân thân lai lịch) đã có hành vi mua chiếc xe mô tô biển số 60FH-5295 do Trần Văn B phạm tội mà có và đối tượng tên Tí (chưa rõ nhân thân lai lịch) đã có hành vi nhận cầm chiếc xe mô tô biển số 59G1-005.84 do Trần Văn B phạm tội mà có; do chưa làm việc được với các đối tượng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã tách ra xử lý sau là phù hợp quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt của bị cáo B phù hợp quan điểm Hội đồng xét xử. Đối với bị cáo M, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù nghiêm hơn so với đề xuất của Kiểm sát viên mới đảm B sự răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

- Đối với phần trình bày của các bị cáo tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Tấn M phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1. Căn cứ Khoản 2 Điều 173, điểm g Khoản 1 Điều 52 BLHS; điểm s, Khoản 1, Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo **Trần Văn B** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 22/7/2022, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/11/2021 đến ngày 26/11/2021

- Căn cứ Khoản 1, Điều 323; điểm i, s, Khoản 1, Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo **Nguyễn Tấn M** 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 357 và Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Buộc bị cáo Trần Văn B phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn U số tiền 2.100.000đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Văn B phải chịu thêm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Các bị cáo, bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT, THAHS-Công an thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ-Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Huệ